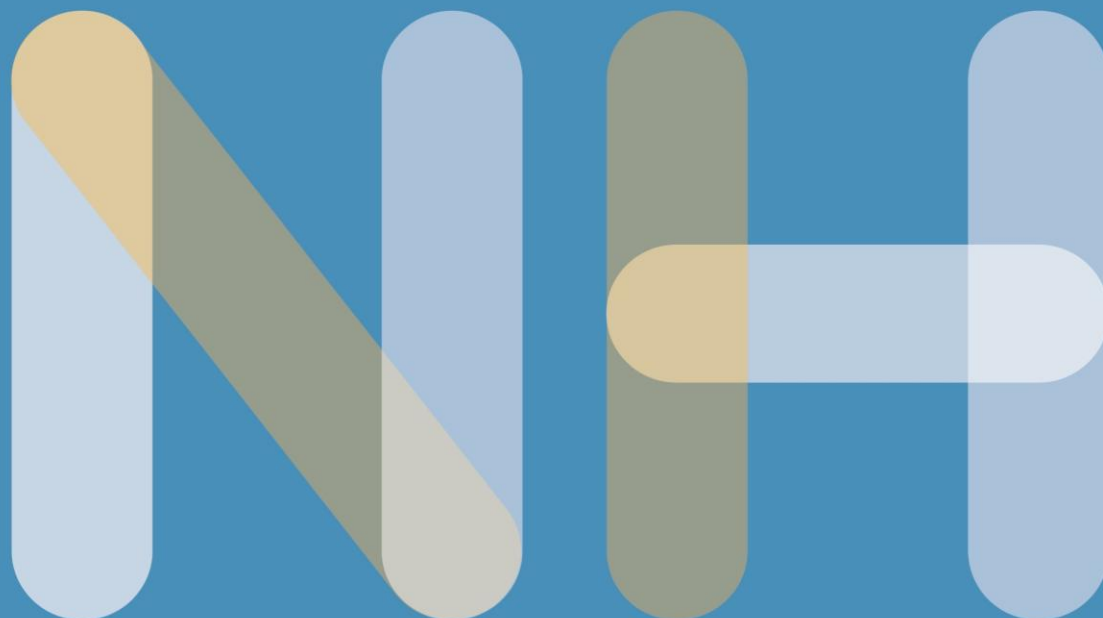


BẢN TIN HÀNG NGÀY

29 tháng 7 năm 2026



Nhóm VIN đẩy chỉ số, Vn-Index tăng 24 điểm

- Vn-Index đi ngang quanh tham chiếu trong phiên sáng, nhưng tăng rất mạnh trong phiên chiều, và đóng cửa tăng 24 điểm
- Nhóm VIN đẩy mạnh chỉ số, trong đó VRE tăng trần, đóng góp 18.3 điểm vào mức tăng của Vn-Index
- Trong khi đó, số lượng mã tăng chỉ lớn hơn số mã giảm đôi chút
- Ngoài VIN, nhóm dầu khí tăng tốt nhất trong suốt cả ngày, nhờ giá dầu thế giới tăng
- Còn lại, đa phần các nhóm ngành khác chỉ tăng hoặc giảm nhẹ dưới 1%
- Giá trị giao dịch khớp lệnh trên sàn HOSE giảm 15.9% so với ngày trước đó.

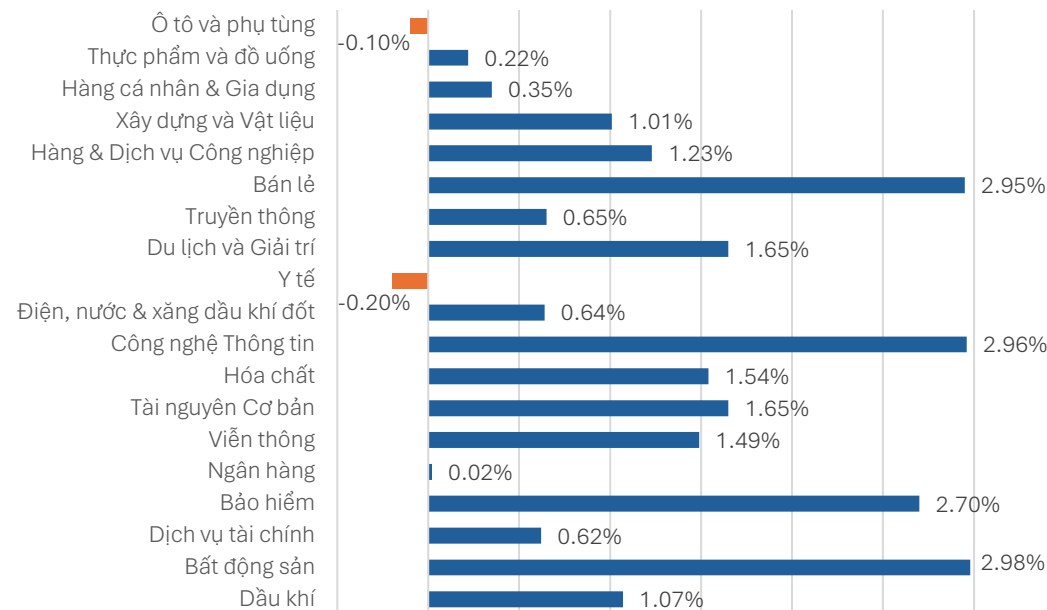


	HOSE	HNX	UPCOM
Đóng cửa	1,704.7	271.7	126.2
(+/-)	24.06	2.23	0.41
(%)	1.43%	0.83%	0.33%
Khối lượng giao dịch (Triệu cp)	561	38	16
Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	14,388	558	274
Giao dịch khối ngoại (Tỷ VND)	(79)	(7)	(1)
Số mã tăng	165	69	110
Số mã giảm	139	57	81
Số mã giá không đổi	61	55	71

1.

Nhận định thị trường

- VHM sẽ chốt quyền để chia cổ phiếu thưởng tỷ lệ 1:1 trong ngày thứ 5 tuần tới, đó có lẽ là lý do nhóm VIN tăng mạnh trong ngày hôm nay (và có thể sẽ tiếp tục tăng)
- Việc dự đoán thị trường trong ngắn hạn có thể khó khăn, do nhóm VIN sẽ tác động lớn vào chỉ số
- Với việc nhóm VIN tăng, VN-Index chính thức vượt 1,700 điểm trong ngày hôm nay, và có thể sẽ tiếp tục tăng về các vùng kháng cự từ 1,740-1,800, tuy vậy, diễn biến thị trường chung có thể vẫn sẽ chỉ là đi ngang giống như suốt quãng thời gian qua.



STT	Nhóm ngành	PE	PB
1	Dầu khí	10.93	1.55
2	Nguyên vật liệu	10.71	1.33
3	Công nghiệp	11.15	1.54
4	Hàng Tiêu dùng	12.42	2.16
5	Dược phẩm và Y tế	14.06	1.48
6	Dịch vụ Tiêu dùng	16.91	3.13
7	Viễn thông	18.21	4.65
8	Tiện ích Cộng đồng	10.84	1.54
9	Tài chính	19.49	2.67
10	Ngân hàng	8.43	1.38
11	Công nghệ Thông tin	11.15	2.25

2.

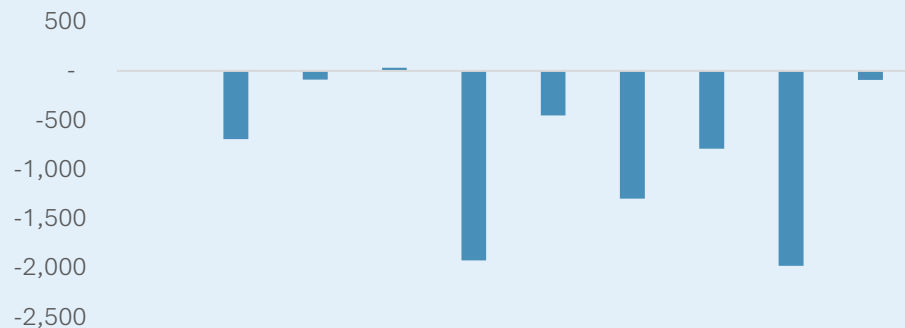
Hiệu suất cổ phiếu theo ngành

Ngân hàng		Bất động sản		Chứng khoán		Thực phẩm		Xây dựng		Nguyên liệu CB		Tiện ích		Hóa chất	
HDB	1.59%	VRE	6.81%	VCI	5.58%	PAN	2.74%	VGC	2.10%	ACG	3.29%	BWE	1.86%	DGC	2.99%
CTG	1.21%	VHM	6.14%	ORS	3.82%	BAF	1.21%	HTI	0.84%	HPG	3.10%	NT2	1.46%	PHR	2.00%
BID	1.00%	CRE	4.39%	SSI	1.09%	MCM	0.94%	PC1	0.47%	NKG	2.35%	GAS	1.34%	DPM	1.55%
VCB	0.92%	VPI	2.70%	BSI	0.37%	DBC	0.94%	CTR	0.00%	HSG	1.91%	GEG	0.83%	GVR	1.52%
TPB	0.36%	VIC	2.62%	DSE	0.00%	MSN	0.91%	BMP	0.00%	PTB	0.94%	POW	0.38%	DCM	1.32%
EIB	0.29%	KOS	1.87%	HCM	-0.20%	VNM	0.67%	HHV	-0.10%	DHC	-1.44%	REE	0.00%	AAA	0.29%
VIB	0.00%	DIG	1.41%	AGR	-0.39%	ANV	0.59%	CTD	-0.35%			TMP	0.00%	VFG	0.00%
MBB	-0.23%	IJC	1.15%	FTS	-1.20%	ASM	0.52%	CII	-1.15%			TDM	0.00%	DPR	-0.14%
MSB	-0.31%	DXS	0.88%	CTS	-1.22%	KDC	0.31%	VCG	-1.63%			VSH	0.00%	CSV	-1.93%
TCB	-0.35%	DXG	0.49%			VCF	0.00%					PGV	-0.22%		
ACB	-0.89%	NLG	0.49%			HAG	0.00%					PPC	-0.45%		
SSB	-0.96%	KBC	0.36%			SBT	0.00%					CHP	-1.10%		
OCB	-0.99%	SJS	0.00%			BHN	-0.17%					SHP	-1.87%		
VPB	-1.02%	KDH	0.00%			SAB	-0.35%					PGD	-3.92%		
STB	-1.38%	PDR	0.00%			FMC	-0.59%								
LPB	-1.68%	SIP	-0.11%			VHC	-0.74%								
SHB	-1.75%	SZC	-0.29%												
NAB	-3.27%	QCG	-0.42%												
		TCH	-0.44%												
		HDC	-0.45%												
		HDG	-0.62%												
		NVL	-0.77%												
		BCM	-1.55%												

3.

Giao dịch khối ngoại

Giao dịch khối ngoại - 10 ngày



Giao dịch khối ngoại - 10 tuần



Top mua ròng

STT	Mã	Sàn	Giá trị mua	Giá trị bán	Giá trị ròng
1	HPG	HOSE	189.92	49.63	140.29
2	VIC	HOSE	242.01	120.71	121.30
3	CTG	HOSE	100.55	27.61	72.94
4	FPT	HOSE	101.53	31.39	70.14
5	MSN	HOSE	96.85	45.05	51.80
6	VNM	HOSE	93.44	58.71	34.73
7	SHB	HOSE	33.70	1.62	32.08
8	PNJ	HOSE	73.42	45.31	28.12
9	BSR	HOSE	38.32	11.83	26.49
10	GAS	HOSE	26.91	7.12	19.79
11	NAF	HOSE	21.92	3.52	18.40
12	MCH	HOSE	49.60	31.22	18.39
13	MWG	HOSE	111.29	93.06	18.23
14	GMD	HOSE	22.58	5.81	16.76
15	VPI	HOSE	16.14	0.60	15.54

Top bán ròng

STT	Mã	Sàn	Giá trị mua	Giá trị bán	Giá trị ròng
1	VHM	HOSE	246.82	473.84	- 227.02
2	VIX	HOSE	0.77	77.55	- 76.78
3	HDB	HOSE	28.35	95.18	- 66.83
4	TCB	HOSE	36.16	84.84	- 48.68
5	ACB	HOSE	16.29	62.16	- 45.87
6	VPB	HOSE	3.21	42.18	- 38.97
7	SSI	HOSE	19.14	57.92	- 38.77
8	NVL	HOSE	0.69	38.94	- 38.26
9	GEX	HOSE	5.47	37.13	- 31.65
10	STB	HOSE	43.50	58.25	- 14.75
11	VJC	HOSE	19.38	32.91	- 13.52
12	VCB	HOSE	5.97	18.60	- 12.63
13	HDG	HOSE	6.55	18.55	- 12.00
14	EIB	HOSE	-	10.50	- 10.50
15	BID	HOSE	3.66	14.09	- 10.44

4.

Cập nhật vĩ mô

	Gần nhất	1D	1W	YTD
Giá dầu Brent (USD/thùng)	82.08	-4.41%	-9.81%	34.89%
Giá dầu WTI (USD/thùng)	80.85	-0.49%	-4.78%	40.80%
Giá vàng thế giới (USD/ounce)	4,028.80	-1.12%	-1.04%	-6.86%
Tỷ giá trung tâm (USD/VND)	25,306	0.00%	0.18%	0.74%
Tỷ giá bán Vietcombank (USD/VND)	26,530	0.02%	0.11%	0.58%
Tỷ giá bán TT tự do (USD/VND)	26,320	-0.11%	-0.23%	-1.86%
Lãi suất qua đêm – Liên ngân hàng	2.20%	-0.17%	-1.34%	0.43%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 1 năm	3.61%	0.00%	0.01%	0.54%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 3 năm	3.78%	0.00%	0.04%	0.60%

Ngày 28/7, Ngân hàng Nhà nước hút ròng 1.961 tỷ đồng qua thị trường mở, lãi suất qua đêm trên thị trường liên ngân hàng giảm xuống mức thấp nhất 2,2% từ đầu năm.

5.

Bản tin doanh nghiệp



HPG: Hòa Phát lãi 15.480 tỷ đồng sau 6 tháng, tăng 103% so với cùng kỳ

Quý 2/2026, Tập đoàn Hòa Phát (HPG) đạt doanh thu 55.557 tỷ đồng, tăng 53% so với quý 2/2025. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận 6.424 tỷ đồng, tăng 51% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2026, doanh thu, lợi nhuận của Tập đoàn lần lượt là 108.870 tỷ đồng và 15.480 tỷ đồng, tương ứng tăng 47% và 103% so với nửa đầu năm 2026.

Với kết quả này, Hòa Phát đã hoàn thành 52% doanh thu và 70% lợi nhuận kế hoạch năm. Trong đó, lĩnh vực thép đóng góp 93% doanh thu và 68% lợi nhuận



VRE: Vincom Retail bứt phá nửa đầu năm với lợi nhuận hơn 1.600 tỷ đồng

Trong quý II, Vincom Retail (VRE) ghi nhận tổng doanh thu thuần hợp nhất đạt 2.374 tỷ đồng, tăng 10,8% so với cùng kỳ năm 2025. Trong đó, doanh thu từ hoạt động cho thuê và các dịch vụ liên quan đạt 2.268 tỷ đồng, tăng 9,7% so với cùng kỳ, nhờ tỷ lệ lấp đầy cải thiện lên 88,6% vào cuối quý II/2026. Lợi nhuận sau thuế của VRE đạt 1.609 tỷ đồng, tăng 30,4% so với cùng kỳ năm 2025. Với kết quả trên, doanh thu thuần hợp nhất điều chỉnh và lợi nhuận sau thuế nửa đầu năm đạt tương ứng 49% và 58% kế hoạch kinh doanh năm 2026.

Ngoài ra, VRE đã thông qua việc bổ nhiệm ông Trần Lê Phương làm Chủ tịch HĐQT mới thay bà Trần Mai Hoa kể từ ngày 28/7.



NTP: Nhựa Tiền Phong lãi gần 880 tỷ đồng sau 6 tháng mặc dù giá nguyên liệu tăng mạnh

Kết quả kinh doanh quý II/2026 của Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (NTP) uy trì đà tăng trưởng tích cực mặc dù giá nguyên liệu đầu vào tăng mạnh từ cuối quý I và thị trường xuất hiện tình trạng khan hiếm một số loại hạt nhựa như PE, PP và PP-R.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2026, lợi nhuận trước thuế của Nhựa Tiền Phong dự kiến đạt xấp xỉ 880 tỷ đồng, tương đương khoảng 97% kế hoạch lợi nhuận cả năm.

Lượng hàng tồn kho cuối Q2.2026 tăng khoảng 350 tỷ so với Q1 do chiến lược chủ động dự trữ nguyên liệu để đảm bảo nguồn cung cho hoạt động sản xuất.

6.

Lịch sự kiện

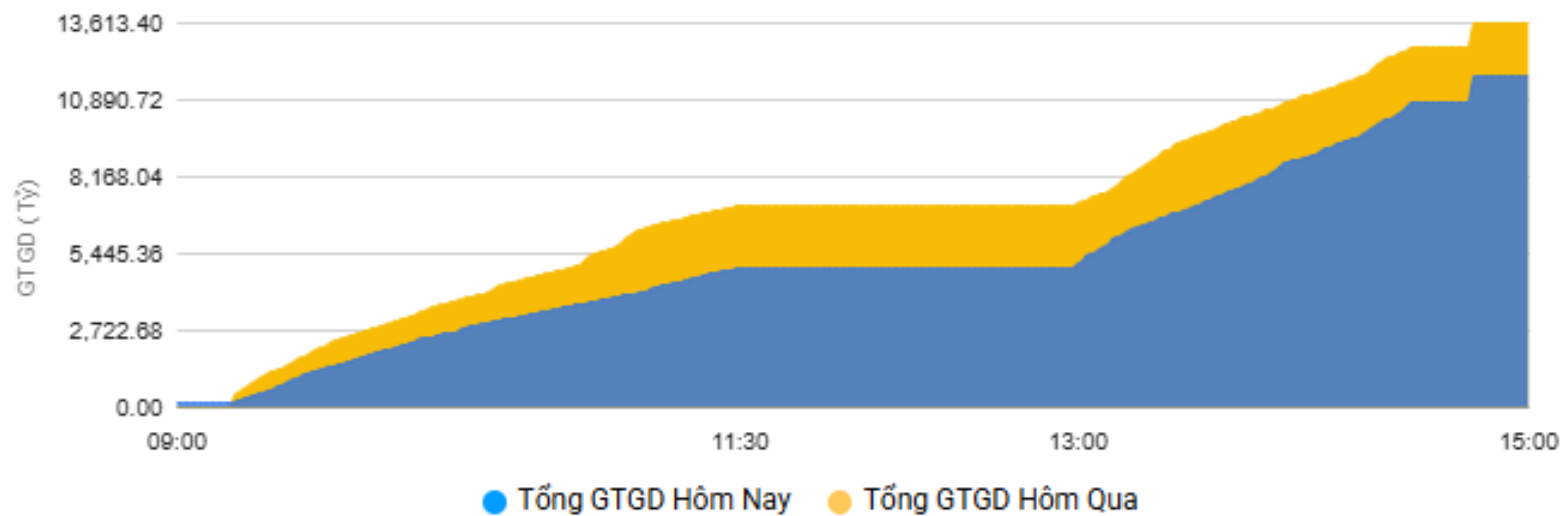
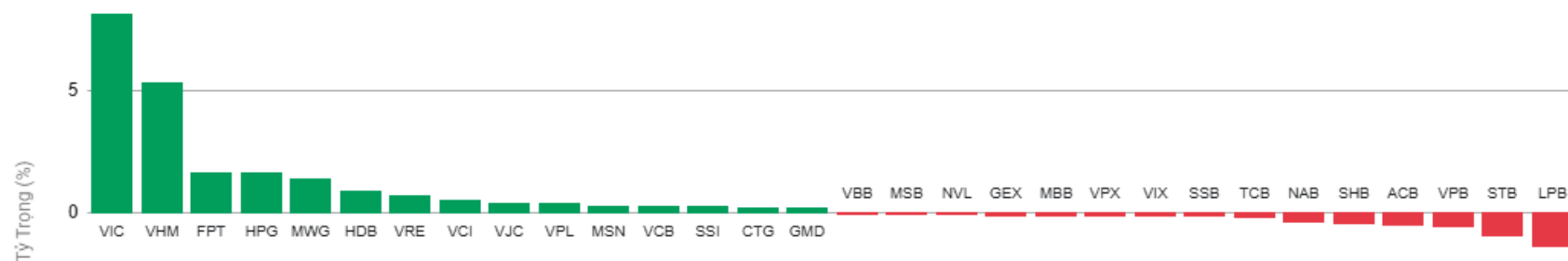
Mã	Ngày GDKHQ	Ngày thực hiện	Sự kiện	Tỷ lệ thực hiện	Giá trị
AGX	30/07/2026	13/08/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	30%	3,000
KHP	30/07/2026		Phát hành cổ phiếu	3%	
CTW	30/07/2026	16/012/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	12%	1,200
LM8	30/07/2026	14/08/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10%	1,000
MDC	30/07/2026	21/08/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	6%	600
SVC	30/07/2026	14/08/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5%	500
VSE	30/07/2026	12/08/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	2.13%	213
BRS	31/07/2026	26/08/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	14%	1,400
BTV	31/07/2026	18/08/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10%	1,000
CLL	31/07/2026	13/08/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	26.14%	2,614
THW	31/07/2026	28/08/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	6%	600
TRC	31/07/2026	25/09/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	30%	3,000
CQT	03/08/2026	28/08/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	3%	300
DPM	03/08/2026	22/09/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	15%	1,500
IFS	03/08/2026	29/09/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	16.15%	1,615
BMD	04/08/2026	25/08/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	7%	700
NBC	04/08/2026	25/08/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	6%	600
VPR	04/08/2026	20/08/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10%	1,000
AIG	04/08/2026		Phát hành cổ phiếu	15%	

7.

Số liệu thị trường

NHÓM ẢNH HƯỞNG MẠNH TỚI CHỈ SỐ

BIỂU ĐỒ PHẦN TÁN



8.

Khuyến nghị của NHSV Research

CPPVT	Ngày đánh giá lần đầu	Ngày định giá lại gần nhất	Giá mục tiêu (sau điều chỉnh)	Giá hiện tại (29/07/2026)	%	Báo cáo lần đầu	Báo cáo cập nhật gần nhất
VPB	20/5/2024	23/07/2026	34,000	24,350	39.6%	Link	Link
TPB	1/7/2024	23/03/2026	23,493	14,100	66.6%	Link	Link
TCB	12/8/2024	24/07/2026	37,300	28,400	31.3%	Link	Link
MBB	29/8/2024	27/3/2026	30,380	22,100	37.5%	Link	Link
ACB	23/9/2024	29/07/2026	27,000	22,300	21.1%	Link	Link
HDB	15/10/2024	1/4/2026	32,191	25,500	26.2%	Link	Link
CTG	28/11/2024	27/03/2026	40,200	29,350	37.0%	Link	Link
VCB	24/2/2025	11/3/2026	72,000	54,600	31.9%	Link	Link
BID	20/3/2025	17/3/2026	47,720	35,450	34.6%	Link	Link
STB	14/5/2025	31/03/2026	58,700	71,500	-17.9%	Link	Link
HPG	13/01/2025	9/2/2026	30,636	21,650	41.5%	Link	Link
HSG	14/02/2025	4/3/2026	12,420	10,650	16.6%	Link	Link
NKG	7/3/2025	12/2/2026	14,500	10,900	33.0%	Link	Link
VSC	18/06/2025	6/3/2026	27,450	12,800	114.5%	Link	Link
HAH	31/3/2025	5/3/2026	59,455	43,950	35.3%	Link	Link
PVT	17/7/2025	10/3/2026	27,045	17,000	59.1%	Link	Link

8.

Khuyến nghị của NHSV Research

CPPVT	Ngày đánh giá lần đầu	Ngày định giá lại gần nhất	Giá mục tiêu (sau điều chỉnh)	Giá hiện tại (29/07/2026)	%	Báo cáo lần đầu	Báo cáo cập nhật gần nhất
NLG	30/9/2024	02/06/2026	40,400	20,700	95.2%	Link	Link
KDH	23/10/2024	20/11/2025	42,000	16,950	147.8%	Link	Link
DXG	15/11/2024	4/12/2025	18,246	10,300	77.1%	Link	Link
DXS	15/1/2025	4/12/2025	12,000	5,710	110.2%	Link	Link
KBC	22/1/2025	27/11/2025	40,500	27,900	45.2%	Link	Link
BCM	4/8/2024	15/12/2025	83,000	35,000	137.1%	Link	Link
VRE	21/3/2025	7/11/2025	30,000	22,750	31.9%	Link	Link
VHM	29/4/2025	5/11/2025	81,200	140,000	-42.0%	Link	Link
HDC	5/6/2025	30/01/2026	21,043	11,150	88.7%	Link	Link
PDR	30/6/2025	19/03/2026	18,600	11,500	61.7%	Link	Link
FRT	5/2/2026	05/02/2026	170,000	108,700	56.4%	Link	Link
MWG	13/2/2026	13/2/2026	106,500	66,500	60.2%	Link	Link
PVD	3/03/2026	3/3/2026	24,270	18,400	31.9%	Link	Link
DGW	23/04/2026	23/04/2026	49,000	35,350	38.6%	Link	Link

8.

Khuyến nghị của NHSV Research

CPPVT	Ngày đánh giá lần đầu	Ngày định giá lại gần nhất	Giá mục tiêu (sau điều chỉnh)	Giá hiện tại (29/07/2026)	%	Báo cáo lần đầu	Báo cáo cập nhật gần nhất
VNM	28/05/2026	28/05/2026	75,000	60,000	25.0%		Link
ANV	05/06/2026	05/06/2026	31,000	16,950	82.9%		Link
VHC	05/06/2026	05/06/2026	75,000	53,400	40.4%		Link
PHR	05/06/2026	05/06/2026	84,000	56,100	49.7%		Link
FMC	12/06/2026	12/06/2026	45,000	33,800	33.1%		Link
REE	12/06/2026	12/06/2026	62,000	44,500	39.3%		Link
DPG	12/06/2026	12/06/2026	45,000	27,200	65.4%		Link
SIP	18/06/2026	18/06/2026	74,000	47,100	57.1%		Link
IDC	19/06/2026	19/06/2026	54,550	32,100	69.9%		Link
PHP	26/06/2026	26/06/2026	59,000	37,400	57.8%		Link

Trụ sở chính

Tầng 9, tòa tháp Đông, Lotte Center Hà Nội, số 54 Liễu Giai, phường Giảng Võ, Hà Nội

Hotline: 1900.1055

Chi nhánh Hà Nội

Tầng trệt tòa Somerset Grand Hanoi & Phòng 505, tầng 5 Tòa Tháp Hà Nội, số 49 Hai Bà Trưng, phường Cửa Nam, Hà Nội

Hotline: 1900.1055

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, tòa nhà President Place, Số 93 Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP HCM

Hotline: 0283.838.5917

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH

Báo cáo này thuộc sở hữu của NHSV. Mọi hành vi sao chép, in ấn khi không có sự cho phép của NHSV đều bị nghiêm cấm. Báo cáo này không nên được coi là một lời đề nghị giao dịch mua bán bất kỳ cổ phiếu nào. Mặc dù những thông tin, dự báo và nhận định trong báo cáo này được dựa trên các nguồn thông tin đáng tin cậy, NHSV không thể khẳng định sự chính xác và hoàn thiện của các nguồn thông tin này. NHSV sẽ không chịu trách nhiệm trước bất kỳ thiệt hại, mất mát nào đến từ việc sử dụng bất kỳ thông tin, nhận định nào đến từ báo cáo này.

